TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 6/8/2018
V/v "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Trung và ông Đàm Viết Khai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 và QĐ hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST- HNGĐ ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (Có mặt)
Trú tại: Tổ 5, phường P, quận HĐ, TP. H.

Bị đơn: Anh Tạ Văn Đ, sinh năm 1968 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn S, xã N, huyện T, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quan điểm:

Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2002 tại UBND xã N, huyện T, TP. H. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu và được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hônvợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà đánh đập chị, thập chí còn vu cho chị trộm cắp xe máy đến năm 2016 do không chịu được nên chị H đã bỏ về chị gái tại quận H sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ

chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Tạ Văn Đ có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị H khai là đúng. Lúc mới lấy nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2008 tình cảm vợ chồng rạn nứt vợ chồng đã sống ly thân được 5 năm. Nay chị H có đơn xin ly hôn vì các con còn nhỏ nên quan điểm của anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Tạ Tiến D (con trai), sinh ngày 08/7/2004 và cháu Tạ Tấn T (con trai), sinh ngày 20/12/2012. Hiện nay hai cháu đang do chị H nuôi dưỡng chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ đóng góp phí tổn nuôi con. Anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có.

Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Toà án. Do anh Đ vắng mặt nên không bổ sung ý kiến nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Tòa án đã gửi giấy triệu tập cho anh Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 07/6/2018, ngày 25/6/2018 nhưng anh Đ vắng mặt không lý do, việc vắng mặt đã làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy anh Đ đã không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định: Căn cứ các Điều 28, 68, 203, 209, 220, 227, 249,

260, 262 Bộ luật tố Tụng dân sự. Căn cứ Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị HĐXX

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Tiến D (con trai), sinh ngày 08/7/2004 và cháu Tạ Tấn T (con trai), sinh ngày 20/12/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn Đ không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX nhận thấy:

* Về tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ hai anh Tạ Văn Đ vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

* Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T,TP. H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2002 tại UBND xã N, huyện T, TP. H nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, HĐXX nhận thấy:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh Đ đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nên vợ chồng đã có 02 con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chịu làm ăn, chăm sóc gia đình luôn rượu chè say xỉn về nhà gây sự. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được, cụ thể từ tháng năm 2012 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Tạ Tiến D (con trai), sinh ngày 08/7/2004 và cháu Tạ Tấn T (con trai), sinh ngày 20/12/2012. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H, HĐXX thấy: Do các cháu còn nhỏ hiện đang học tập cũng như sinh sống do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên nguyện vọng nuôi con chung của chị H là chính đáng. Bên cạnh đó, xét điều kiện mọi mặt về việc chăm sóc và

nuôi dậy con chung thấy: Hiện nay anh Đ không có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo về điều kiện vật chất tốt nhất cho con chung. Đối với chị H có công việc ổn định và với thiên chức, trách nhiệm và sự nhạy bén của người mẹ thì chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt hơn anh Đ. Thực tế anh Đ đã đồng ý tạo điều kiện giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu D và cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sẽ đảm bảo cho các cháu có cuộc sống vật chất lẫn tinh thần tốt hơn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của chị H.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về con nuôi, con riêng: vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn Đ

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Tạ Tiến D (con trai), sinh ngày 08/7/2004 và cháu Tạ Tấn T (con trai), sinh ngày 20/12/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc khi có thay đổi khác. Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung. Con nuôi, con riêng: Chị H và anh Đ cùng thống nhất: Không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Đ thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị H được đối trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0006826 ngày 28/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, TP. H.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Mai